**TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN**

**TỔ: NGỮ VĂN**

**HƯỚNG DẪN SỬA BÀI TẬP NGỮ VĂN 6**

**A. PHẦN VĂN BẢN**

**CÂU 1:**

a) Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra là: “Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy”

b) Ý nghĩa văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”

Đoạn trích nêu lên bài học: Tính kiêu căng của tuổi trẻ có thể làm hại người khác, khiến ta phải ân hận suốt đời.

**CÂU 2:**

Vẻ đẹp về thiên nhiên và cuộc sống của con người ở văn bản “Sông nước Cà Mau” (Đoàn Giỏi)

- Thiên nhiên vùng sông nước Cà Mau có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ, đầy sức sống hoang dã

- Cuộc sống con người ở chỗ Năm Căn tấp nập, trù phú, độc đáo.

**CÂU 3:** Ý nghĩai của tuyên “Bức tranh của em gái tôi” (Tạ Duy Anh)

Tình cảm trong sáng, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn làng ghen ghét, đố kị.

**B. PHẦN TIẾNG VIỆT**

**CÂU 1:**

Khái niệm phó từ (Ghi nhớ: SGK/12)

Các loại Phó từ (Ghi nhớ: SGK/14)

**CÂU 2**: So sánh là gì (Ghi nhớ: SGK/24)

Cấu tạo của phép so sánh (Ghi nhớ: SGK/25)

Vd: - Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

- Trẻ em như búp trên cành

Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan

**C. PHẦN TẬP LÀM VĂN**

**CÂU 1:**Văn miêu tả (Ghi nhớ: SGK/16)

**CÂU 2:** Một số thao tác cơ bản cần thiết cho việc viết văn miêu tả: quan sát, tưởng tượng, nhận xét, so sánh.

- Quan sát: giúp chọn được những chi tiết nôti bật của đối tượng được miêu tả.

- Tưởng tượng, so sánh, giúp người đọc hình dung được đối tượng miêu tả một cách cụ thể, sinh động, hấp dẫn.

- Nhận xét: giúp người đọc hiểu được tình cảm của người viết.

**HƯỚNG DẪN SỬA BÀI TẬP NGỮ VĂN 7**

**I. PHẦN VĂN BẢN**

 3, Hai câu tục ngữ :*“*Không thầy đó mày làm nên*”,“*Học thầy không tày học bạn*”* nói về hai vấn đề khác nhau. Một câu nhấn mạnh vai trò của người thầy, một câu lại nói về tầm quan trọng của việc học bạn. Để cạnh nhau, mới đầu tưởng như chúng mâu thuẫn, đối lập, nhưng thực ra chúng bổ sung nghĩa cho nhau.

**II. PHẦN TIẾNG VIỆT**

2, - Câu a, c là câu rút gọn

- Thành phần được rút gọn là chủ ngữ

- Rút gọn câu như vậy nhằm đưa ra những lời khuyên, kinh nghiệm chung cho mọi người.

**III. PHẦN TẬP LÀM VĂN:**

 2, Luận điểm, luận cứ và cách lập luận trong bài *Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội* (Đã làm ở phần Luyện tập-SGK/20)

 3, Tìm hiểu đề và lập ý cho đề bài *“Tình bạn chân chính là viên ngọc quý”*

*a,* Tìm hiểu đề:

*- Vấn đề nghị luận*: giá trị của tình bạn chân chính đối với con người

*- Đối tượng, phạm vi nghị luận*: tình bạn chân chính, giá trị của tình bạn chân chính

*- Tính chất nghị luận*: khẳng định, đề cao tình bạn chân chính

*- Hướng triển khai*: Trước hết làm rõ thế nào là tình bạn chân chính, tại sao lại ví tình bạn chân chính với viên ngọc quý, tiếp theo phân tích giá trị của tình bạn chân chính, cuối cùng khuyên mọi người nên xây dựng và vun đắp những tình bạn chân chính.

 b, Lập ý:

- Tình bạn chân chính là tình bạn trong sáng, tâm đầu ý hợp, không vụ lợi cá nhân, không tính toán thiệt hơn.

- So sánh tình bạn chân chính với viên ngọc quý nhằm hình tượng hóa tình bạn chân chính là tình bạn đẹp, tình bạn quý, rất đáng trân trọng, ngợi ca.

- Tình bạn chân chính là điểm tựa tinh thần, là nguồn động lực lớn lao giúp ta vươn lên trong cuộc sống.

- Tình bạn chân chính vô cùng quý giá nên ta cần xây dựng, vun đắp, trân trọng nó.

**HƯỚNG DẪN SỬA BÀI TẬP NGỮ VĂN 8**

1. **PHẦN ĐỌC HIỂU:**

**Câu 1:**

* 1. Đoạn thơ trên trích trong bài thơ **Nhớ rừng** của Thế Lữ
	2. Trong cả khổ thơ, trừ câu “*Than ôi”,* tất cả đều là câu nghi vấn. Dấu hiệu hình thức: có từ nghi vấn “*đâu”* và dấu chấm hỏi. Chức năng của các câu nghi vấn trên là nhằm bộc lộ nỗi nhớ, sự tiếc nuối, hoài vọng của chúa sơn lâm về những ngày tháng oanh liệt, được tự do vùng vẫy chốn rừng sâu.
	3. Các biện pháp tu từ được sử dụng: Điệp từ “*đâu”,* nhân hóa

Hiệu quả diễn đạt: Thể hiện và nhấn mạnh được tâm trạng của chú hổ khi nhớ về những ngày tháng còn tự do của mình. Đó là nỗi nuối tiếc, hoài vọng và cả sự khao khát tự do cháy bỏng. Đấy cũng chính là tâm trạng của những kiếp người nô lệ lúc bấy giờ.

 1.4 Thông qua chuỗi kí ức được tái hiện, ta thấy những ngày tháng tự do khi chú hổ còn là chúa sơn lâm thật đáng ngưỡng mộ. Hình ảnh chúa sơn lâm lẫm liệt và oai phong vô cùng. Dù là khi ngủ say, hay cả khi “*lặng ngắm giang sơn”* hoặc khi “chiến đấu sinh tử” hổ vẫn luôn trong tư thế làm chủ thiên hạ, kiêu hãnh và oai hùng. Qúa khứ vàng son khiến chú hổ hiện tại càng nuối tiếc và đau khổ bởi cảnh tù túng, giả tạo hiện tại.

**Câu 2:**

2.1 Chép chính xác đầy đủ và không sai chính tả.

2.2 Những từ ngũ thể hiện tâm trạng của nhà thơ: *“chân muốn đạp tan phòng”, “ngột”, “chết uất”*.

Thông qua đó, ta thấy nhà thơ đang cảm thấy rất ngột ngạt, tù túng, muốn bứt phá bốn bức tường nhà tù chật hẹp để được tự do, hòa vào cảnh ngày hè trong trẻo, tươi sáng ngoài kia.

2.3 Viết đoạn văn:

- Yêu cầu về kiến thức: phải thể hiện được tâm trạng của nhà thơ – người tù

- Yêu cầ về kĩ năng: đi đúng đặc trưng của 1 đoạn văn, có tích hợp các điểm ngữ pháp theo yêu cầu: có câu nghi vấn theo các chức năng đã yêu cầu.

**Câu 3:**

3.1 Đoạn trích trích từ bài th**ơ Quê hương** của Tế Hanh

3.2 Biện pháp nghệ thuật đặc sắc: nhân hóa “*chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm”*

Hiệu quả diễn đạt: Thể hiện một cách gần gũi, sinh động hình ảnh con thuyền và những người ngư dân thảnh thơi và mãn nguyện sau chuyến đánh bắt ra khơi thành công; mang đến cho câu thơ và hình ảnh thơ vẻ đẹp và góc nhìn rất mới lạ, độc đáo, sáng tạo.

3.3 Qua đoạn trích, hình ảnh những con người lao động hiện ra thật mạnh mẽ, khỏe khoắn với sức sống và sức lao động bền bĩ, mãnh liệt. Đó cũng chính là vẻ đẹp của con người mới trong công cuộc lao động và xây dựng đất nước.

Để cảm nhận một cách tinh tế vẻ đẹp ấy, nhà thơ hẳn phải có một tình yêu mãnh liệt và sâu sắc đối với quê hương làng chài của mình. Vì vậy, những gì dù là nhỏ nhất như “*làn da rám nắng”, “chiếc thuyền im”, “nghe chất muối”…* được tái hiện một cách chân thật chi tiết và đẹp một cách kì lạ.

**Câu 4:**

4.1 Chép chính xác đầy đủ và không sai chính tả.

Hoàn cảnh sáng tác: bài thơ được viết vào tháng 2 năm 1941, trong những tháng ngày Bác sống và làm việc ở hang Pắc Bó (Cao Bằng), để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước.

4.2 Giọng thơ thoải mái, pha chút vui đùa hóm hỉnh, tất cả cho thấy một cảm giác vui thích sảng khoái. Ý nghĩa của bài thơ cũng toát lên từ đó.

Tâm trạng của Bác: mặc dù cuộc sống và điều kiện làm việc của Bác ở hang Pắc Bó vô cùng kham khổ và thiếu thốn, nhưng Bác luôn lạc quan, vui vẻ và xem tất cả mọi sự khó khăn đó đều có cái thú vị riêng. Qua đó, thể hiện phong thái ung dung, tinh thần lạc quan và lòng yêu thiên nhiên của Người.

Sở dĩ Bác lại thấy cuộc sống gian khổ đó “*thật là sang”* bởi Người luôn ý thức và tự hào về mục đích và lí tưởng con đường cách mạng Người đã chọn. Bên cạnh đó, đối với Người, cuộc sống tuy gian khổ nhưng lại được hòa hợp với thiên nhiên, được thỏa “thú lâm tuyền”, nên thật sự rất thoải mái, vui vẻ, ung dung, tự tại.

4.3 Viết đoạn văn:

- Yêu cầu về kiến thức: phải thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn của Bác: yêu thiên nhiên, ung dung tự tại, tinh thần lạc quan và niềm tin kiên định với lí tưởng, con đường cách mạng đã chọn

- Yêu cầ về kĩ năng: đi đúng đặc trưng của 1 đoạn văn, có tích hợp các điểm ngữ pháp theo yêu cầu: có câu nghi vấn

1. **PHẦN TẬP LÀM VĂN:**

**Câu 1:**

* 1. Những lưu ý khi triển khai các ý trong một đoạn văn thuyết minh:
* Cần xác định ý trọng tâm cho từng đoạn, tránh lẫn ý với các đoạn văn khác trong một bài văn.
* Các ý trong đoạn văn nên sắp xếp theo trình tự cấu tạo của sự vật, trình tự nhận thức (từ tổng thể đến bộ phận, từ ngoài vào trong, từ xa đến gần), trình tự diễn biến sự việc trong thời gian trước sau hay theo trình tự chính phụ (cái chính nói trước, cái phụ nói sau).
	1. Viết đoạn văn giới thiệu về sách ngữ văn 8, hk1:
* Yêu cầu về nội dung: phải giới thiệu được đặc điểm bên ngoài (trang bìa, màu sắc, độ dày, số trang…), kết cấu nội dung (gồm 3 phần: văn bản, tiếng việt, tập làm văn), chức năng và vai trò…
* Yêu cầu về kĩ năng: đi đúng đặc trưng của 1 đoạn văn thuyết minh, trình bày rõ ràng, các ý sắp xếp hợp lí.

**Câu 2:**

* 1. Các phương pháp thuyết minh mà em đã học: nêu định nghĩa, giải thích, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh, phân tích, phân loại…
	2. Viết một đoạn văn từ 12-15 dòng giới thiệu về cách chế biến một món ăn nổi tiếng của Huế
* Yêu cầu về nội dung: phải giới thiệu được đặc điểm, cách thức chế biến (nguyên liệu, các bước chế biến, yêu cầu thành phẩm)của món ăn.
* Yêu cầu về kĩ năng: đi đúng đặc trưng của 1 đoạn văn thuyết minh, trình bày rõ ràng, các ý sắp xếp hợp lí; vận dụng hợp lí và hiệu quả một số PPTM đã học.

**Câu 3:**

3.1 Yêu cầu về dàn ý: đầy đủ 3 phần, rõ ràng, chi tiết, các ý cụ thể theo đúng bố cục của một bài văn thuyết minh.

3.2 Yêu cầu về đoạn văn:

- Yêu cầu về nội dung: phải triển khai theo đúng dàn ý đã lập, thể hiện và cung cấp đúng, rõ ràng thông tin về đối tượng thuyết minh đã chọn.

* Yêu cầu về kĩ năng: đi đúng đặc trưng của 1 đoạn văn thuyết minh, trình bày rõ ràng, các ý sắp xếp hợp lí.

**HƯỚNG DẪN SỬA BÀI TẬP NGỮ VĂN 9**

**I/ Các kiến thức cần nắm học sinh tự học trong vở và sách giáo khoa**.

**II/ Phần luyện tập được gợi ý như sau:**

1. **Tiếng việt**: Viết đoạn văn trình bày tầm quan trọng của sách
* Về hình thức: Viết hoa lùi đầu dòng, cuối đoạn có dấu chấm xuống dòng. Không quá trang giấy.

 Mở đoạn- phát triển đoạn- kết đoạn.

* Về kĩ năng: Lập luận chặt chẽ dùng lí lẽ, dẫn chứng sát hợp và thuyết phục để khẳng định vai trò của sách đối với đời sống con người.

Sử dụng khởi ngữ, một trong bốn thành phần biệt lập đã học ( tình thái, cảm thán, gọi- đáp, phụ chú)

* Yêu cầu đoạn văn trôi chảy, mạch lạc, kết hợp nhuần nhuyễn giữa nội dung, hình thức.
1. **Tập làm văn**: Suy nghĩ về một sự việc, hiện tượng trong nhà trường đang được xã hội quan tâm.
* Tìm hiểu đề

Kiểu bài: Nghị luận về sự việc, hiện tượng, đời sống

Nội dung: Một sự việc hiện tượng trong nhà trường đang được xã hội quan tâm

 + Phân loại rác

 + Tấm gương học tốt

 + Bạo lực học đường

 + Học đối phó…

* Dàn ý:
* Mở bài: Giới thiệu sự việc, hiện tượng, đời sống
* Thân bài: Dùng phép lập luận phân tích và tổng hợp để làm rõ nội dung

+ Biểu hiện

+ Nguyên nhân

+ Lợi ích hoặc tác hại

+ Ý nghĩa hoặc giải pháp

* Kết bài : Tổng kết , mở rộng tư tưởng đạo lí.
* Yêu cầu: Bài viết mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ và dẫn chứng sát hợp, toàn diện.